| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN BẾN LỨC**<br>**TỈNH LONG AN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 98/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 06-12-2017
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LỨC, TỈNH LONG AN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Nguyễn Văn Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Phạm Văn Tám

2. Ông Dương Công Danh

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Kim Thắm – Thư ký Toà án nhân dân huyện Bến Lức.

Ngày 06 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 521/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Thị G, sinh năm 1979

Địa chỉ: ấp x, xã MY, huyện BL, tỉnh Long An.

*Bị đơn:* Anh Đặng Thành T, sinh năm 1976

Địa chỉ: số xx, khu y, ấp C, xã PL, huyện BL, tỉnh Long An

(Chị G và anh T vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại Đơn khởi kiện ghi ngày 24-10-2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Huỳnh Thi G trình bày:*

Do quen biết và được gia đình hai bên đồng ý nên chị G với anh Đặng Thành T đã xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phước Lợi, huyện Bến Lức vào năm 2001.

Sau khi cưới vợ chồng sống tại gia đình cha mẹ ruột chị G tại xã Mỹ Yên, huyện Bến Lức cho đến đầu năm 2011 thì anh T về xã Phước Lợi, huyện Bến Lức sống cho đến nay. Đời sống chung vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu, nhưng đến đầu năm 2011 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh T không lo làm ăn, mà chơi cờ bạc nên gây nợ nần, chị G đã khuyên anh T nhiều lần nhưng không thay đổi và

sau đó anh T bỏ nhà về cha mẹ ruột sống nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2011 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị G yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị G với anh T có một con chung tên Đặng Huỳnh Đông Nhi, sinh ngày 24-8-2003; hiện nay chị G đang nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn chị G yêu cầu tiếp tục nuôi con; chị G không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung với anh T thì chị G trình bày không có.

*Bị đơn anh Đặng Thành T trình bày:*

Anh T thống nhất với lời trình bày của chị G về quá trình xác lập quan hệ vợ chồng, thủ tục đăng ký kết hôn, đời sống chung vợ chồng và thời gian vợ chồng sống ly thân; nhưng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh T làm ăn thất bại. Theo yêu cầu ly hôn của chị G thì anh T chỉ đồng ý ly hôn sau khi cháu Nhi thi xong tốt nghiệp cấp II vào khoảng tháng 4 năm 2018.

Về con chung: Anh T thừa nhận anh với chị G có một con chung tên Đặng Huỳnh Đông Nhi, sinh ngày 24-8-2003; hiện nay chị G đang nuôi dưỡng. Trường hợp Toà án cho ly hôn thì anh T yêu cầu tiếp tục nuôi con; không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung với chị G thì anh T trình bày không có.

Toà án đã tiến hành hoà giải nhưng không thành, nên quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên toà, chị G vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn anh T vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt hợp lệ.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

***Về thủ tục tố tụng:***

[1] Chị Huỳnh Thị G khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Đặng Thành T. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tố tụng là tranh chấp ly hôn, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Bị đơn anh Đặng Thành T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt hợp lệ. Căn cứ theo Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án xét xử vắng mặt anh T.

[3] Theo Đơn khởi kiện, Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai và Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ thì các đương sự chỉ tranh chấp về tình cảm vợ chồng và con chung; không tranh chấp về tài sản chung và thừa nhận không có nợ chung. Căn cứ Khoản 1 Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự,

Hội đồng xét xử chỉ xem xét đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và giải quyết hậu quả theo quy định pháp luật.

***Về nội dung vụ án:***

[4] Chị G và anh T xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phước Lợi, huyện Bến Lức ngày 02-12-2002 là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị G với anh T là do bất đồng quan điểm về đời sống kinh tế nên anh T về nhà cha mẹ ruột sống từ đầu năm 2011 đến nay; không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, nên khi chị G yêu cầu ly hôn thì anh T đồng ý nhưng phải chờ cháu Nhi thi xong tốt nghiệp cấp II vào khoảng tháng 4 năm 2018. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị G với anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Khoản 1 Điều 89 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị G đối với anh T.

[5] Chị G và anh T đều thừa nhận có một con chung tên Đặng Huỳnh Đông Nhi, sinh ngày 24-8-2003; hiện nay chị G đang nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn chị G và anh T đều yêu cầu được nuôi cháu Nhi. Xét thấy, chị G và anh T đều có việc làm, có thu nhập, có chỗ ở đủ điều kiện để nuôi con, nhưng từ khi chị G và anh T ly thân nhau thì cháu Nhi sống với chị G; mặt khác, cháu Nhi là nữ giới và đang trong độ tuổi thiếu niên nên cần sự quan tâm, giúp đỡ và giáo dục về giới và chỉ có người mẹ mới có thể gần gủi và giúp đỡ được cháu trong giai đoạn sắp trưởng thành và theo nguyện vọng của cháu Nhi thì cháu muốn được sống với mẹ. Căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cần giao cháu Nhi cho chị G tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

[6] Về nghĩa vụ cấp dưỡng thì chị G không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con là sự tự nguyện nên cần ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

[7] Các đương sự đều thừa nhận không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Chị Huỳnh Thị G phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, Điều 147, 228, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Căn cứ vào Điều 89, 91 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 53, 81, 82, 83, 84 và khoản 1 Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

*Tuyên xử;*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Huỳnh Thị G đối với anh Đặng Thành T.

*Về quan hệ hôn nhân*: Chị Huỳnh Thị G được ly hôn với anh Đặng Thành T.

*Về nuôi con chung:* Chị G với anh T có một con chung tên Đặng Huỳnh Đông Nhi, sinh ngày 24-8-2003. Hiện nay, chị G đang nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, chị G được quyền tiếp tục nuôi cháu Nhi.

*Về nghĩa vụ cấp dưỡng*: Ghi nhận sự tự nguyện của chị G không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

*Về án phí:* Chị Huỳnh Thị G phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị G đã nộp theo Biên lai số 0005857 ngày 02-11-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức sang án phí.

Án xử sơ thẩm, đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An.
- VKSND huyện Bến Lức;
- Chi cục THADS huyện Bến Lức;
- UBND xã Phước Lợi, huyện Bến Lức;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Phương**